

Số: **215/2020/QĐST-HNGĐ**

Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Vũ Thị Phương T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Ông Trần Quốc V, sinh năm 1982; Địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc V và bà Vũ Thị Phương T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 03 tháng 7 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông V và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Ông V và bà T có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã O, sinh ngày 28/7/2017 và Trần Quốc T1, sinh ngày 14/8/2018. Sau khi ly hôn, ông V và bà T thống nhất giao cháu Trần Ngọc Nhã O và Trần Quốc T1 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3]. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm: Ông V và bà T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Quốc V và bà Vũ Thị Phương T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Ông Trần Quốc V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Nhã O, sinh ngày 28/7/2017 và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 14/8/2018.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Phương T và ông Trần Quốc V mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050225 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND. P. H, TP. T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Vọng